

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 19LT/EB/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0936303436 Fax:

E-mail: maunt@lamtruongco.com

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:
..... (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an
toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **SỮA UHT HOORAY – CÀ PHÊ LATTE 330ML**

2. Thành phần: Protein sữa cô đặc 10%, sữa bột nguyên chất 4%, bột cà phê 12%, chất ổn định
(INS407, INS471), Chất tạo ngọt (Sucralose, Steviol glycosides), hương vị tự nhiên chứa sữa

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 300 ngày kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước ngày in trên
bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Thể tích thực 330ml/ hộp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đóng trực tiếp trong bao bì hộp giấy. Chất liệu bao bì đảm bảo vệ
sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: **MALEE GROUP PUBLIC COMPANY LIMITED**

Địa chỉ: 26/1 Moo 5, Sampran Rd, Sampran, Nakornpathom 73110, Thái Lan

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Theo phụ lục đính kèm



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

QCVN 5-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

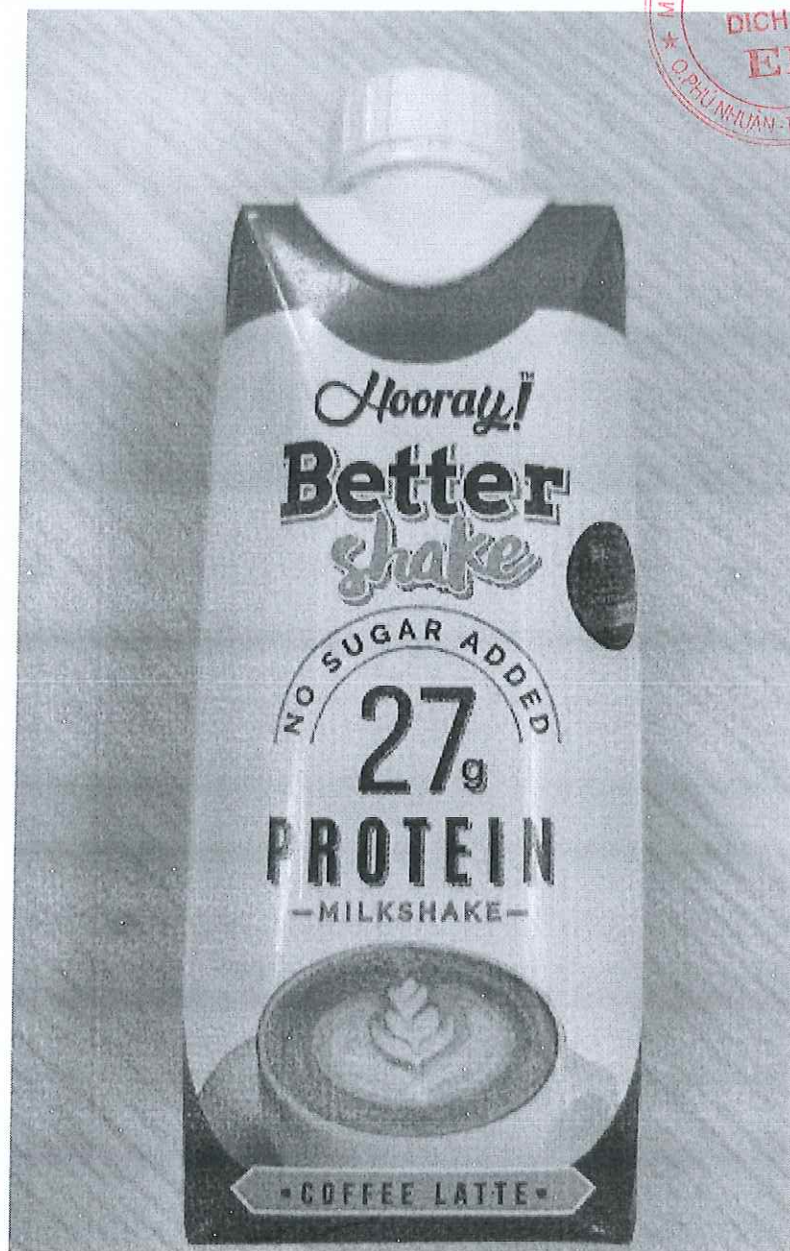
(Ký tên, đóng dấu)



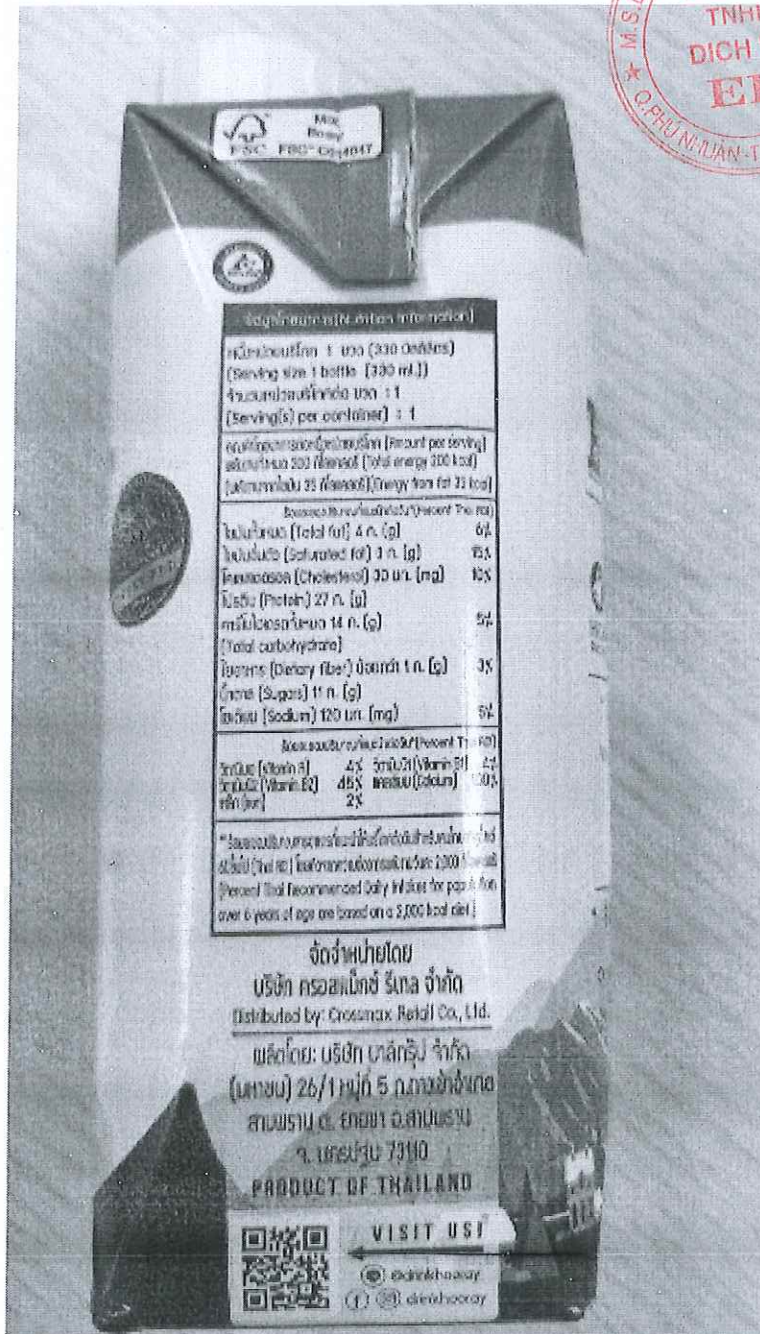
LÊ BÌNH HÒA (PAUL LÊ)

Vice President
Import & Export Division

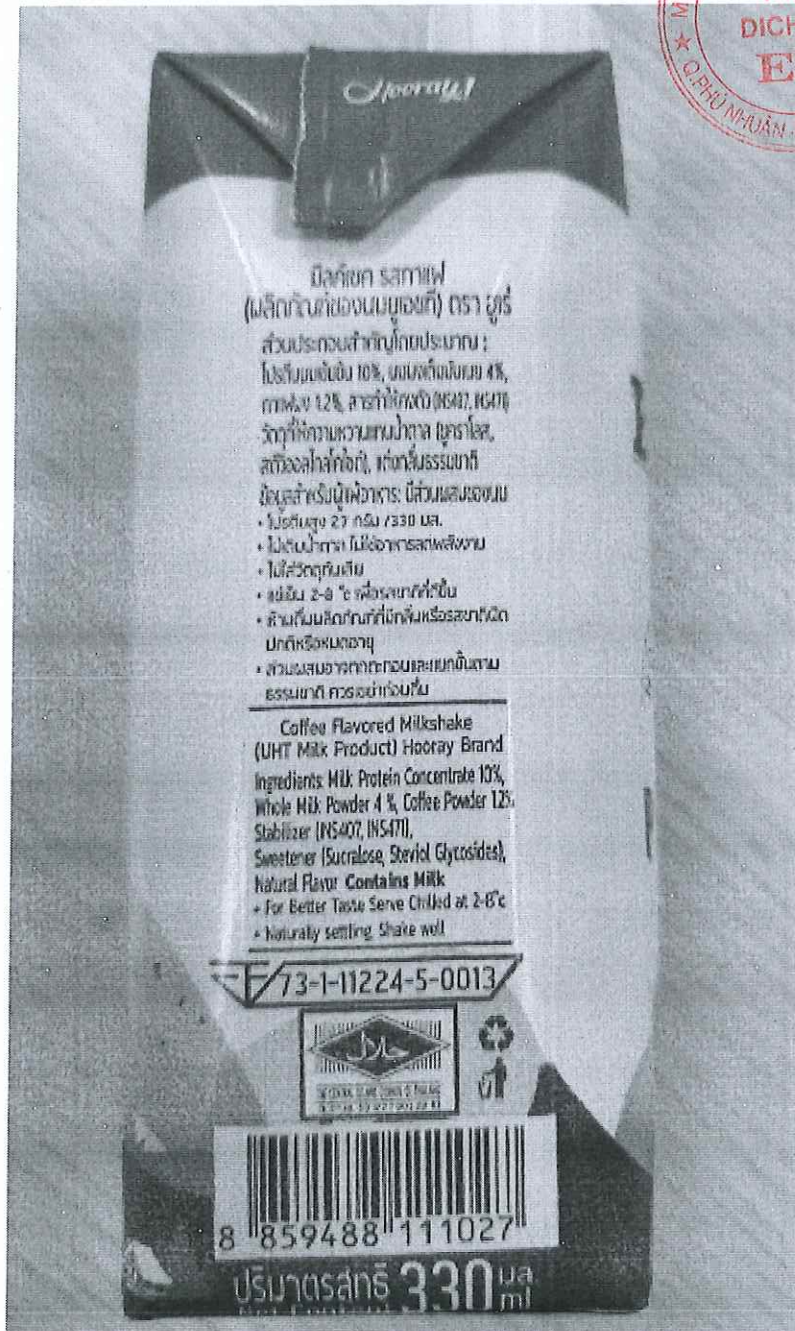












NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM



Tên sản phẩm: SỮA UHT HOORAY – CÀ PHÊ LATTE 330ML

Thành phần: Protein sữa cô đặc 10%, sữa bột nguyên chất 4%, bột cà phê 12%, chất ổn định (INS407, INS471), chất tạo ngọt (Sucralose, Steviol glycosides), hương vị tự nhiên chứa sữa.

Ngày sản xuất: .../.../...

Hạn sử dụng: 300 ngày kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước ngày in trên bao bì

Thể tích thực: 330ml/ hộp

Chất liệu bao bì: Sản phẩm đóng trực tiếp trong bao bì hộp giấy. Chất liệu bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y Tế.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Dùng trực tiếp theo nhu cầu, dùng ngon hơn khi để mát.
- Dùng ngay khi mở nắp.
- Bảo quản nơi thoáng mát.
- **Cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng.

Sản xuất bởi: MALEE GROUP PUBLIC COMPANY LIMITED

Địa chỉ: 26/1 Moo 5, Sampran Rd, Sampran, Nakornpathom 73110, Thái Lan

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế: 0105696842

Số TCB: 19LT/EB/2019

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu
743-2019-00040994
Mã số kết quả
AR-19-VD-044905-01-VI / EUVNHC-00069901-1559894157

Công Ty TNHH Dịch Vụ EB

Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 1
Quận Phú Nhuận
Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam


Tên mẫu:
SỮA UHT HOORAY - CÀ PHÊ LATTE 330 ML
Tình trạng mẫu:
Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu:
29/05/2019
Thời gian thử nghiệm:
29/05/2019 - 05/06/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:
05/06/2019
Mã số PO của khách hàng:
GG8T190529610

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD347 VD (a)(f) Enterobacteriaceae	cfu/ml	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD390 VD (a)(f) Listeria monocytogenes	cfu/ml	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD860 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.003)
4	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/kg	ISO 14501:2007 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD572 VD Aldrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)
6	VD572 VD Cyfluthrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
7	VD572 VD DDT	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)
8	VD572 VD Dieldrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)
9	VD572 VD Endosulfan (Tổng)	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)
10	VD559 VD Benzylpenicilline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=3)
11	VD559 VD Chlortetracycline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=100)
12	VD559 VD Dihydro-streptomycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=70)
13	VD559 VD Gentamicin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=20)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
14	VD559 VD Oxytetracycline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=100)
15	VD559 VD Procain Benzylpenicilline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=3)
16	VD559 VD Spiramycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=200)
17	VD559 VD Streptomycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=70)
18	VD559 VD Tetracycline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=100)

Kết quả của những chỉ tiêu đã kiểm nghiệm phù hợp với QCVN 5-1:2010/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 07/06/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo VFA-Chỉ Định An Toàn Thực Phẩm